

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2026/HNGĐ - PT

Ngày 29 - 01 - 2026

*“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con
và chia tài sản chung và tranh chấp
hợp đồng vay tài sản”*

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phụng

Các Thẩm phán:

Bà Tôn Thị Thanh Thúy

Ông Nguyễn Hữu Bằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Kim Mộc Nam – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Lâm Thành Thêm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 và 29 tháng 01 năm 2026, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 38/2025/TLPT – HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc *“Tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung và tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 84/2025/HNGĐ - ST, ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 956/2025/QĐ-PT ngày 15 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2025/QĐ-PT ngày 07/01/2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Hữu H, sinh năm: 1977 (Có mặt).

Địa chỉ: Số A, đường Q, phường N, thành phố Cần Thơ.

Số căn cước công dân: 092077001473, cấp ngày 26/8/2022 do Cục Q, Bộ C3.

Người đại diện theo ủy quyền (Theo Văn bản ủy quyền ngày 08 tháng 12 năm 2023): Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1989. (Có mặt). Địa chỉ: Số B, đường N, phường A, thành phố Cần Thơ.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1985. (Vắng mặt)

Số căn cước công dân: 092185002013

Địa chỉ: Số A, T, phường T (trước đây là phường A), quận N, thành phố Cần Thơ nay là phường N, thành phố Cần Thơ.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Công ty TNHH B

Địa chỉ: Số C, đường L, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Đại diện là ông: Trương C1 - Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị Yên N, sinh năm 2000

Địa chỉ: khóm T, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang. (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

3.2. Bà Huỳnh Thị Line Đ chủ Doanh nghiệp tư nhân Huỳnh Minh N1.

Địa chỉ: Số A, đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị Yên N, sinh năm 2000

Địa chỉ: khóm T, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

3.3. Bà Trương Thị Đ1, sinh năm 1955. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số A, đường Q, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền (Theo Văn bản ủy quyền ngày 30/11/2023): ông Hồ Văn P.

Địa chỉ: Số C, khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

4. Ngân hàng TMCP Á (A)

Địa chỉ trụ sở chính: Số D N, Phường E, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện (theo Văn bản ủy quyền ngày 23/6/2025): Bà Đặng Xuân Y (Vắng mặt).

Địa chỉ liên lạc: Số D, đường C T, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

5. Bà Phạm Thị M, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Số I Hồ T, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện (theo ủy quyền ngày 24/02/2025): Bà Nguyễn Ngọc H1, sinh năm 1989. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: B33p C, khu V, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

6. Bà Nguyễn Hồ T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số A, đường C, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 22/3/2024:

- Bà Lê Thị Thu T1, sinh năm 1979. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số C, khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

- Ông Phạm Ngọc T2, sinh năm 1980. (Vắng mặt)

Địa chỉ: khu V, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

- Bà Lê Thị Ngọc T3, sinh năm 1995. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số C, đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

7. Ông Huỳnh Hữu T4, sinh năm 1956. (Có yêu cầu xét xử vắng mặt). Địa chỉ: Số A, đường Q, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Huỳnh Hữu H.

Người kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn ông Huỳnh Hữu H trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Ngọc L tự nguyện đi đến hôn nhân và đăng ký kết vào ngày 06/9/2005 tại Ủy ban nhân dân phường A (nay là phường T), quận N, thành phố Cần Thơ. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay tình cảm không thể hàn gắn, nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc L.

Về con chung: Trong thời gian chung sống ông và bà L có 02 (hai) người con chung là cháu Huỳnh Hữu H2, sinh ngày 05/9/2006, giới tính: nam và cháu Huỳnh Hữu T5, sinh ngày 23/6/2014, giới tính: nam. Đối với cháu H2 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu T5, sau khi ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống ông H và bà L có tạo lập được tài sản là: Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số: 47, tờ bản đồ số: 28, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H00366.QSĐĐ do UBND quận N cấp ngày 22/7/2005 do ông Huỳnh Hữu H và bà Nguyễn Thị Ngọc L đứng tên chủ sử dụng, địa chỉ thửa đất số A, đường Q, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

Ông H yêu cầu được chia 50% giá trị tài sản theo giá tại Chứng thư thẩm định giá số 215/2024/136 ngày 25/12/2024 của Công ty TNHH T6. Ông H yêu

cầu nhận hiện vật là nhà và đất nêu trên chấp nhận trả lại 50% giá trị của tài sản cho bà L.

Công nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 57, tờ bản đồ số 28, số 5401132332 do UBND tỉnh C (cũ) cấp ngày 22/12/2003 chính lý sang tên ông Huỳnh Hữu H ngày 10/5/2004, địa chỉ thửa đất số 111A, đường Q, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ là tài sản riêng của ông H.

Về nợ chung: Trong thời gian chung sống ông H và bà L có nợ tổng các khoản nợ chung:

- + Theo Giấy xác nhận công nợ ngày 30/6/2023 còn nợ Doanh nghiệp tư nhân Huỳnh Minh N1 tiền là 2.408.801.000 đồng và lãi suất đến ngày 30/9/2023 với lãi suất 0,83% là 59.979.144 đồng. Tổng cộng tổng số nợ là: 2.468.780.144 đồng.

- + Theo Biên bản xác nhận công nợ ngày 30/6/2023 còn nợ Công ty TNHH B số tiền là 884.037.269 đồng và lãi suất đến ngày 30/9/2023 với lãi suất 0,83% là 22.012.527 đồng. Tổng cộng tổng số nợ là 906.049.796 đồng.

Đối với khoản nợ của Doanh nghiệp tư nhân Huỳnh Minh N1 và Công ty TNHH B do đương sự không yêu cầu nên đề nghị Tòa án không xem xét.

- + Theo Giấy mượn nợ ngày 17/01/2018 còn nợ ông Huỳnh Hữu T4 và bà Trương Thị Đặng S tiền là 2.300.000.000 đồng. Đề nghị Tòa án giải quyết mỗi người có nghĩa vụ trả cho bà Đặng S số nợ tương đương 1.150.000.000 đồng.

- + Ông H và bà L có đảm bảo cho Công ty TNHH H3 vay của Ngân hàng TMCP Á số tiền 3.200.000.000 đồng. Đề nghị Tòa án giải quyết mỗi người có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Á 50% số nợ tương đương 1.600.000.000 đồng.

- + Đối với khoản nợ 1.700.000.000 đồng của bà Phạm Thị M, đây là nợ riêng của bà L không liên quan đến ông H nên đề nghị Tòa án xem xét.

Đại diện theo ủy quyền người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Đặng L1 ông Hồ Văn P trình bày: Nguyên trước đây, vào ngày 17/01/2018 vợ chồng bà Trương Thị Đ1 và ông Huỳnh Hữu T4 có cho ông Huỳnh Hữu H và bà Nguyễn Thị Ngọc L mượn số tiền: 2.300.000.000 đồng (hai tỷ ba trăm triệu đồng) và có lập Giấy mượn tiền ngày 17/01/2018. Số tiền nêu trên ông H và bà L dùng để mua căn nhà và đất tại số A đường Q, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ. Căn nhà và đất nêu trên hiện là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông H và bà L.

Nay ông H có đơn khởi kiện yêu cầu “*Ly hôn, tranh chấp con chung, tài sản chung và nợ chung trong thời kì hôn nhân*” với bà Nguyễn Thị Ngọc L. Bà Đ1 có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án buộc phía phía ông H và bà L có nghĩa vụ trả cho bà Đặng S tiền: 2.300.000.000 đồng (*hai tỷ ba trăm triệu đồng*).

Đại diện theo ủy quyền người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị M là bà Nguyễn Ngọc H1 trình bày:

Vào cuối năm 2020 và năm 2021 bà Phạm Thị M cho vợ chồng ông Huỳnh Hữu H và bà Nguyễn Thị Ngọc L vay tổng số tiền là 1,7 tỷ đồng lãi suất thỏa thuận từ 4,5% đến 5%/ tháng. Bên vay đã nhận đủ số tiền và sử dụng đến nay quá hạn thanh toán nhưng không trả gốc và lãi cho bà M. Vì vậy bạn M làm đơn khởi kiện yêu cầu buộc ông H và bà L liên đới trả tiền gốc và lãi theo quy định pháp luật, trong đó nợ gốc là 1,7 tỷ đồng tiền lãi thẳng tính từ ngày 10 tháng 4 năm 2022 đến ngày 28 tháng 02 năm 2025 với lãi suất 20%/năm là 980.333.333 đồng. Đồng thời yêu cầu ông H và bà L tiếp tục trả lãi cho đến khi trả dứt nợ.

Từ tháng 8/2022 đến tháng 3/2025 mỗi tháng ông H có chuyển khoản trả cho bà M 2.500.000 đồng qua tài khoản của ông Nguyễn Ngọc D (là con trai của bà M) với tổng số tiền là 80.000.000 đồng, bà M đồng ý căn trừ số tiền này vào số tiền lãi ông H và bà L phải trả.

Đại diện theo ủy quyền người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Hồ T là ông Phạm Ngọc T2 trình bày:

Căn cứ Bản án phúc thẩm số 295/2023/DS-PT ngày 4/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã buộc bà Nguyễn Thị Ngọc L phải trả cho bà Nguyễn Hồ T tổng số tiền nợ phải trả là 2.125.000.000đ (Hai tỷ một trăm hai mươi lăm triệu đồng), phía người được thi hành án là Nguyễn Hồ T đã có đơn gửi Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều thành phố Cần Thơ yêu cầu cưỡng chế kê biên tài sản của bà L để trả nợ quá trình thi hành án đang được giải quyết.

Nay ông Huỳnh Hữu H và bà Nguyễn Thị Ngọc L đã khởi kiện ly hôn yêu cầu chia tài sản chung. Căn cứ vào bản án đã có hiệu lực thi hành và căn cứ vào số nợ mà bà Nguyễn Thị Ngọc L phải trả yêu cầu Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều giải quyết:

Dành quyền thi hành án cho Nguyễn Hồ T lý do: Bản án phúc thẩm số: 295/2023/DS-PT ngày 4/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ có hiệu lực pháp luật và đang được cơ quan thi hành án thực hiện việc cưỡng chế kê biên để thi hành, nay việc ông H bà L đã ly hôn chia tài sản sẽ ảnh hưởng đến quyền

và lợi ích hợp pháp của Nguyễn Hồ Trân .

Yêu cầu triệu tập bà Nguyễn Thị Ngọc L đến phiên tòa để đối chất liên quan đến khoản nợ của bà Nguyễn Thị Ngọc L với bà Trương Thị Đặng .1

Đại diện theo ủy quyền người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chủ Doanh nghiệp tư nhân Huỳnh Minh N1 là bà Nguyễn Thị Yến N trình bày:

Nguyên trước đây, Công ty TNHH T7 của ông Huỳnh Hữu H và bà Nguyễn Thị Ngọc L có thường xuyên hợp tác mua bán hàng hóa với Doanh nghiệp tư nhân Huỳnh Minh N1 có đại diện theo pháp luật là bà Huỳnh Thị L2.

Đến ngày 30/6/2023, Doanh nghiệp TN Huỳnh Minh Nhựt có cho phía ông H và bà L nợ lại tiền mua hàng nên hai bên đã cùng nhau xác nhận về công nợ và ký Biên bản xác nhận công nợ với số tiền: 2.408.801.000 đồng (Hai tỷ bốn trăm lẻ tám triệu tám trăm lẻ một nghìn đồng). Số tiền nêu trên ông H và bà L đến nay vẫn chưa thực hiện việc thanh toán.

Nay ông H có đơn khởi kiện yêu cầu “*Ly hôn, tranh chấp con chung, tài sản chung và nợ chung trong thời kì hôn nhân*” với bà Nguyễn Thị Ngọc L. Phía ông H có xác định phần nợ của ông và bà L với số tiền nêu trên, phía doanh nghiệp xác nhận là có nợ và không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nếu có thì sẽ khởi kiện thành một vụ kiện khác để giải quyết. Do tính chất công việc phía doanh nghiệp yêu cầu được vắng mặt trong tất cả các phiên hòa giải, phiên xét xử trong vụ án nêu trên.

Đại diện theo ủy quyền người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH B là bà Nguyễn Thị Yến N trình bày:

Nguyên trước đây, Công ty TNHH T7 của ông Huỳnh Hữu H và bà Nguyễn Thị Ngọc L có thường xuyên hợp tác mua bán hàng hóa với Công ty TNHH B có đại diện theo pháp luật là ông Trương Cường .2

Đến ngày 30/6/2023, Công ty TNHH B có cho phía ông H và bà L nợ lại tiền mua hàng nên hai bên đã cùng nhau xác nhận về công nợ và ký Biên bản xác nhận công nợ với số tiền: 884.037.269đ (Tám trăm tám mươi bốn triệu không trăm ba mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi chín đồng). Số tiền nêu trên ông H và bà L đến nay vẫn chưa thực hiện việc thanh toán.

Nay ông H có đơn khởi kiện yêu cầu “*Ly hôn, tranh chấp con chung, tài sản chung và nợ chung trong thời kì hôn nhân*” với bà Nguyễn Thị Ngọc L. Phía ông H có xác định phần nợ của ông và bà L với số tiền nêu trên, phía Công ty xác nhận là có nợ và không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nếu có thì sẽ khởi kiện

thành một vụ kiện khác để giải quyết. Do tính chất công việc phía Công ty yêu cầu được vắng mặt trong tất cả các phiên hòa giải, phiên xét xử trong vụ án nêu trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Hữu T4 trình bày:

Nguyên trước đây, vào ngày 17/01/2018 ông và bà Trương Thị Đặng C2 cho ông Huỳnh Hữu H và bà Nguyễn Thị Ngọc L mượn số tiền: 2.300.000.000 đồng (hai tỷ ba trăm triệu đồng) và có lập Giấy mượn tiền ngày 17/01/2018. Số tiền nêu trên ông H và bà L dùng để mua căn nhà và đất tại số A đường Q, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ. Căn nhà và đất nêu trên hiện là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông H và bà L.

Đến nay, ông H có đơn khởi kiện yêu cầu “*Ly hôn, tranh chấp con chung, tài sản chung và nợ chung trong thời kì hôn nhân*” với bà Nguyễn Thị Ngọc L. Do đó vợ ông là bà Trương Thị Đ1 đã có đơn yêu cầu độc lập để yêu cầu phía ông H và bà L có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông số tiền: 2.300.000.000 đồng ông hoàn toàn thống nhất với yêu cầu của bà Đ1 và không có ý kiến khác.

Do tính chất công việc không thể sắp xếp được thời gian để tham gia phiên Tòa xét xử vụ án nêu trên, do đó ông T4 đề nghị được xem xét giải quyết vắng mặt cho ông trong vụ án nêu trên với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa: *Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày ý kiến tranh luận:*

Về tài sản chung: Ông H yêu cầu được chia 50% giá trị tài sản đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số A, đường Q, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ theo giá tại Chứng thư thẩm định giá số 215/2024/136 ngày 25/12/2024 của Công ty TNHH T6 tương đương số tiền 4.662.317.500 đồng. Ông H yêu cầu nhận hiện vật là nhà và đất nêu trên chấp nhận trả lại 50% giá trị của tài sản cho bà L tương đương số tiền 4.662.317.500 đồng.

Rút lại yêu cầu công nhận tài sản riêng đối với quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số: 57, tờ bản đồ số: 28, số 5401132332 do UBND tỉnh C (cũ) cấp ngày 22/12/2003 chính lý sang tên ông Huỳnh Hữu H ngày 10/5/2004, địa chỉ thửa đất số 109, đường Q, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

Rút lại một phần yêu cầu buộc bà L liên đới trả nợ với ông H đối với số nợ 3.200.000.000 đồng của Công ty TNHH H3 vay của Ngân hàng TMCP Á. Chỉ yêu cầu bà L trả lại ông H 500.000.000 đồng do ông H đã trả 1.000.000.000 đồng

nợ chung của vợ chồng tại Ngân hàng TMCP Á.

Đối với yêu cầu trả nợ của bà Trương Thị Đ1: Căn cứ theo Giấy mượn nợ ngày 17/01/2018 ông H, bà L còn nợ ông Huỳnh Hữu T4 và bà Trương Thị Đặng S tiền là 2.300.000.000 đồng. Mặc dù trong Giấy mượn nợ không có chữ ký của bà L nhưng trong giấy mượn nợ thể hiện mục đích vay và sử dụng số tiền là để mua nhà tại số A, đường Q, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ. Sau đó ông H và bà L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất nêu trên, vì vậy nguyên đơn thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Đ1, đề nghị Tòa án giải quyết mỗi người có nghĩa vụ trả cho bà Đặng 5 số nợ tương đương 1.150.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu trả nợ của bà Phạm Thị M: Khoản nợ 1.700.000.000 đồng của bà Phạm Thị M, đây là nợ riêng của bà L không liên quan đến ông H do trong biên nhận nợ chỉ có một mình bà L ký, không có chữ ký của ông H. Ngoài ra, căn cứ Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015 đề nghị Tòa án xem xét lại do hết thời gian tính lãi. Hơn nữa, khoản tiền ông H chuyển trả cho bà M không khác định được chuyển cho khoản nợ nào nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thời hiệu tính lãi theo quy định.

Đại diện theo ủy quyền người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Đặng L1 ông Hồ Văn P trình bày:

Căn cứ Giấy mượn nợ ngày 17/01/2018 thể hiện ông H có vay của bà Trương Thị Đ1 và ông Huỳnh Hữu T4 số tiền 2.300.000.000 đồng để mua nhà tại số A, đường Q, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ. Do đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân và nhằm mục đích mua tài sản chung nên là nợ chung của vợ chồng. Vì vậy, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Trương Thị Đặng V việc yêu cầu Tòa án buộc phía phía ông H và bà L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đ1 số tiền 2.300.000.000 đồng.

Đại diện theo ủy quyền người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị M là bà Nguyễn Ngọc H1 trình bày:

Đối với khoản nợ của bà Phạm Thị M: Mặc dù ông H không có ký tên vào các biên nhận vay tiền nhưng hàng tháng ông H có chuyển khoản trả nợ cho bà L nên có đủ cơ sở xác định ông H biết số nợ bà L vay của bà M. Hơn nữa đây là khoản nợ trong thời kỳ hôn nhân N2 nên được xác định là nợ chung của vợ chồng. Vì vậy, bà M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên buộc ông H và bà L có nghĩa vụ liên đới trả tiền gốc và lãi theo quy định pháp luật với tổng

số tiền là 2.789.888.000 đồng, trong đó nợ gốc là 1.700.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 10 tháng 4 năm 2022 đến ngày 24 tháng 6 năm 2025 với lãi suất 20%/năm là 1.089.000.000 đồng. Trong khoảng thời gian từ tháng 8/2022 đến tháng 3/2025 ông H có chuyển trả lãi cho bà M với tổng số tiền là 80.000.000 đồng, bà M đồng ý căn trừ số tiền nêu trên vào số nợ phải trả. Vì vậy, tại phiên tòa bà M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L và ông H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà M tổng số tiền là 2.709.000.000 đồng, đồng thời yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi trả hết nợ.

Đối với khoản tiền vay của bà Trương Thị Đ1: Nguyên đơn cho rằng vay tiền để mua nhà tại số A, đường Q, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ nhưng tại phiên tòa phía nguyên đơn trình bày số tiền mua nhà là 2.900.000.000 đồng. Lời khai này phù hợp với số tiền nguyên đơn vay để mua nhà theo hợp đồng tín dụng năm 2018 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Á do đó chưa có đủ cơ sở để chứng minh số tiền vay của bà Đ1 dùng vào việc mua nhà tại số A, đường Q, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ. Hơn nữa trên biên nhận chỉ có một mình ông H ký tên, không có chữ ký của bà L không có cơ sở chứng minh bà L biết và sử dụng số tiền này, do đó có đủ cơ sở xác định đây là khoản nợ riêng của ông H.

Đối với số tiền 2.500.000 đồng hàng tháng ông H trả cho bà M, nguyên đơn cho rằng mặc dù ông H có chuyển trả nhưng không xác định được trả cho khoản nợ nào, lời thừa nhận này chứng tỏ ông H cũng biết các khoản nợ của bà L đối với bà M, do đó ông H phải có trách nhiệm liên đới với bà L trả số tiền nợ nêu trên cho bà M.

Ngoài ra, nguyên đơn cho rằng các khoản nợ của bà L đối với bà M không liên quan đến ông H nhưng ông H lại yêu cầu áp dụng tài liệu tính lãi là không phù hợp.

Đại diện theo ủy quyền người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Hồ T là ông Phạm Ngọc T2 trình bày:

Bà T đề nghị Tòa án dành quyền ưu tiên thanh toán khi thi hành án cho bà Nguyễn Hồ T vì Bản án phúc thẩm số: 295/2023/DS-PT ngày 4/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ có hiệu lực pháp luật và đang được cơ quan thi hành án thực hiện việc cưỡng chế kê biên để thi hành, nay việc ông H bà L đã ly hôn chia tài sản sẽ ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Hồ Trân .

Tại Bản án số 84/2025/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Hữu H

Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Hữu H được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc L.

Về con chung: Giao cháu Huỳnh Hữu T5 (giới tính: nam), sinh ngày 23/6/2014, cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho bà L theo quy định pháp luật, không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, khi nào đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết thành một vụ kiện khác.

Về tài sản chung: Ông H và bà L mỗi người được hưởng 50% giá trị tài sản tương đương 4.662.317.500 đồng. Giao quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 47, tờ bản đồ số 28, diện tích 50,32m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng số AC 490856 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H00366.QSDĐ do UBND quận N cấp ngày 22/7/2005, chính lý sang tên ông H và bà L ngày 01/3/2018, phần đất tọa lạc tại số A đường Q, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ cho ông Huỳnh Hữu H tiếp tục sử dụng và có nghĩa vụ thanh toán lại 50% trị tài sản cho bà L.

Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ hoàn lại 50% giá trị cho bà Nguyễn Thị Ngọc L, ông Huỳnh Hữu H được quyền liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để đăng ký chính lý biến động, sang tên về quyền sử dụng trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu công nhận tài sản riêng của ông Huỳnh Hữu H đối với quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số: 57, tờ bản đồ số: 28, số 5401132332 do UBND tỉnh C (cũ) cấp ngày 22/12/2003 chính lý sang tên ông Huỳnh Hữu H ngày 10/5/2004, địa chỉ thửa đất số 109, đường Q, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

3. Đình chỉ yêu cầu của ông H về việc buộc bà L liên đới trả nợ với ông H

đối với số nợ 3.200.000.000 đồng của Công ty TNHH H3 vay của Ngân hàng TMCP Á.

4. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Huỳnh Hữu H về việc buộc bà Nguyễn Thị Ngọc L trả lại số tiền 500.000.000 đồng nợ chung mà ông H đã trả cho Ngân hàng TMCP Á.

5. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Trương Thị Đặng .1 Buộc nguyên đơn ông Huỳnh Hữu H có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị Đặng tổng S tiền là 2.300.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Phạm Thị M.

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Huỳnh Hữu H trả cho bà Phạm Thị M số tiền 2.709.888.000 đồng, trong đó nợ gốc là 1.700.000.000 đồng, nợ lãi 1.009.888.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

7. Đối với yêu cầu khởi kiện được quyền ưu tiên thanh toán nợ của bà Nguyễn Hồ T không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử ngày 02 tháng 7 năm 2025 nguyên đơn ông Huỳnh Hữu H có đơn kháng cáo Bản án số 84/2025/HNGĐ-ST ngày 24/6/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Cần Thơ, không đồng ý liên đới với bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L trả món nợ số tiền 2.709.888.000đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông Huỳnh Hữu H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không bổ sung thêm tài liệu chứng cứ mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ giữ nguyên Kháng nghị số 01/QĐ-VKS-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2025.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa nhận định từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung, Kiểm sát viên nhận định: các biên nhận nợ bà Nguyễn Thị Ngọc L vay tiền của bà Phạm Thị M, phát sinh trong thời kỳ hôn nhân với ông H. Ông Huỳnh Hữu H có chuyển khoản tổng số tiền trả qua tài khoản của con trai của bà M tổng số tiền 80.000.000đồng, khi chuyển khoản ông H có ghi chú trả thay cho bà L. Do vậy, Tòa sơ thẩm xác định món nợ của bà Phạm Thị M là nợ chung của vợ chồng ông H và bà L. Ông H kháng cáo không đồng ý liên đới với bà L trả nợ cho bà M, nhưng không có chứng cứ chứng minh. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Hữu H.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tính án phí chưa đúng giảm so với án phí các đương sự phải chịu đến 85.901.000đồng. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận Kháng nghị số 01/QĐ-VKS-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ, sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn cùng với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện thể hiện nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn, yêu cầu được nuôi con và chia tài sản chung. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập yêu cầu nguyên đơn và bị đơn liên đới trả tiền vay còn nợ nên xác định đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung và tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có địa chỉ tại phường N nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1- Cần Thơ theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về thủ tục nhập vụ án: Ngày 29 tháng 11 năm 2023 Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ thụ lý vụ án số 430/2023/TLST-HNGĐ, về việc nguyên đơn ông Huỳnh Hữu H yêu cầu ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung đối

với bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L. Đến ngày 26/6/2024 Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều thụ lý vụ án số 433/2024/TLST-DS, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn là bà Phạm Thị M, bị đơn ông Huỳnh Hữu H, bà Nguyễn Thị Ngọc L.

Theo quy định tại Điều 42 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Khi Tòa án nhập hai vụ án, việc nhập và việc giải quyết trong cùng một vụ án phải đảm bảo đúng pháp luật. Tòa án đã thụ lý vụ án sẽ phải ra quyết định và gửi ngay cho Viện kiểm sát cùng cấp, đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Tuy nhiên, việc nhập vụ án không phải lấy lại số thụ lý mới mà vẫn giữ số thụ lý cũ cho đến khi cuối cùng được công bố. Tòa án sơ thẩm ra thông báo thụ lý (mới) vụ án số 474/2024/TB-TLVA ngày 11/11/2024, về việc thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Hữu H tranh chấp ly hôn, con chung, chia tài sản chung khi ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L. Việc Tòa án sơ thẩm ra thông báo thụ lý mới về vụ án là không đúng với quy định pháp luật tố tụng, nên cần rút kinh nghiệm.

Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án số 430/2023/TLST-HNGĐ bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L còn có mặt tại địa phương (Biên bản xác minh bút lục số 154) Tòa án sơ thẩm đã niêm yết Thông báo thụ lý đối với bị đơn. Bà L không đến Tòa án là cố tình trốn tránh. Tòa sơ thẩm đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng như: Thông báo phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Bản án 84/2025/HNGĐ-ST ngày 24/6/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Cần Thơ. Bà L không kháng cáo đối với bản án sơ thẩm. Do vậy, bà tự chịu trách nhiệm về việc bà không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng.

Về sự vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L được Tòa án triệu họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã niêm yết bản án sơ thẩm đúng theo quy định, nhưng bị đơn không có yêu cầu kháng cáo và vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm. Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quyết định xét xử vắng mặt bà L.

Về thời hạn kháng cáo: Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn ông Huỳnh Hữu H có đơn kháng cáo đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố

tụng dân sự năm 2015, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về thời hạn kháng nghị: Viện kiểm sát nhân thành phố Cần Thơ kháng nghị Bản án số 84/2025/HNGĐ-ST ngày 24/6/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Cần Thơ vào ngày 24/7/2025 là đúng với thời hạn được quy định tại khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn ông Huỳnh Hữu H kháng cáo đối với Bản án số 84/2025/HNGĐ-ST ngày 24/6/2025, không đồng ý với quyết định của bản án chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ có liên quan bà Phạm Thị M, buộc ông và bà Nguyễn Thị Ngọc L liên đới trả nợ cho bà Phạm Thị M số tiền 2.709.888.000đồng, trong đó nợ gốc 1.700.000.000đồng, nợ lãi 1.009.888.000đồng.

Đối với các Biên nhận ngày 29/12/2020; Giấy vay nợ ngày 09/3/2021; Giấy vay nợ ngày 27/3/2021; Giấy vay tiền ngày 09/10/2021 đều không xác định thời hạn vay. Đối với Giấy vay tiền ngày 11/10/2021 có thời hạn trả là ngày 10/3/2022; Giấy vay nợ ngày 01/6/2021 thời hạn vay là 04 tháng nên thời hạn trả nợ là ngày 02/10/2021; Giấy vay nợ ngày 05/4/2021 thời hạn vay là 06 tháng nên thời hạn trả nợ là ngày 06/10/2021. Tại các giấy vay nợ chỉ có một mình bà Nguyễn Thị Ngọc L ký tên vay tiền tuy nhiên căn cứ vào lời khai của đương sự cùng với sao kê tài khoản của Ngân hàng V1 thể hiện nội dung và lịch sử chuyển tiền từ tháng 8/2022 đến tháng 3/2025 mỗi tháng ông H có chuyển khoản trả lãi cho bà M 2.500.000 đồng qua tài khoản của ông Nguyễn Ngọc D (là con trai của bà M) với tổng số tiền là 80.000.000 đồng. Điều này thể hiện ông H biết việc bà L vay tiền, hơn nữa khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên được xem là nợ chung của vợ chồng nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị M là có cơ sở. Nguyên đơn kháng cáo không đồng ý liên đới trả nợ với bị đơn bà Phạm Thị M, nhưng không chứng minh được món nợ này là nợ riêng của bị đơn. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2.2] Kháng nghị số 01/QĐ -VKS – HNGĐ ngày 24/7/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ về án phí.

Tại quyết định của Bản án sơ thẩm số 84/2025/HNGĐ-ST ngày 24/6/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Cần Thơ, không chấp nhận yêu cầu của nguyên

đơn ông Huỳnh Hữu H yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L trả số tiền 500.000.000đồng. Như vậy, theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, thì nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Viện kiểm sát kháng nghị đối với phần trách nhiệm chịu án phí đối với số tiền 500.000.000đồng của nguyên đơn là có cơ sở. Buộc nguyên đơn phải chịu án phí với số tiền là 24.000.000đồng.

Đối với phần quyết định của bản án sơ thẩm buộc nguyên đơn ông Huỳnh Hữu H có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị Đặng tổng S tiền là 2.300.000.000 đồng. Nhưng buộc ông H chịu án phí 45.000.000đồng chưa chính xác, ông H phải chịu 78.000.000đồng ($72.000.000.000\text{đồng} + 2\% \cdot 300.000.000\text{đồng} = 78.000.000\text{đồng}$).

Quyết định của bản án sơ thẩm buộc nguyên đơn ông Huỳnh Hữu H và bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị M số tiền 2.709.888.000 đồng. Nhưng chỉ buộc ông H và bà L liên đới chịu án phí 57.296.640đồng là chưa đúng. Ông H và bà L có nghĩa vụ liên đới chịu án phí số tiền 86.197.760đồng ($72.000.000.000\text{đồng} + 2\% \cdot 709.888.000\text{đồng} = 86.197.760\text{đồng}$).

Theo bản án sơ thẩm đã chấp nhận cho vợ chồng ly hôn thì cần thiết phải buộc ông H và bà L có nghĩa vụ liên đới theo phần để trả nợ cho bà M và liên đới theo phần để thực hiện nghĩa vụ về án phí mới đảm bảo được thi hành án.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng nghị số 01/QĐ-VKS-HNGĐ ngày 24/7/2025, sửa bản án sơ thẩm về án phí. Tuy nhiên, những sai sót về án phí nếu khi dò án, nếu tính toán kỹ sẽ khắc phục được. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[3] Các phần quyết định của Bản án sơ thẩm không bị Viện kiểm sát kháng nghị, không bị đương sự kháng cáo, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí:

Đối với án phí sơ thẩm: Hội đồng xét xử sửa án phí theo Kháng nghị số 01/QĐ-VKS-HNGĐ ngày 24/7/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ.

Đối với án phí phúc thẩm: Buộc nguyên đơn ông Huỳnh Hữu H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2025;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về qui định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Huỳnh Hữu H.

Chấp nhận kháng nghị số 01/QĐ-VKS-HNGĐ ngày 24/7/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ.

Sửa Bản án sơ thẩm số 84/2025/HNGĐ-ST ngày 24/6/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1- Cần Thơ.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Hữu H

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Huỳnh Hữu H được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc L.

- *Về con chung:* Giao cháu Huỳnh Hữu T5 (giới tính: nam), sinh ngày 23/6/2014, cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho bà Nguyễn Thị Ngọc L theo quy định pháp luật, không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, khi nào đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết thành một vụ kiện khác.

Về tài sản chung: Ông H và bà L mỗi người được hưởng 50% giá trị tài sản tương đương 4.662.317.500 đồng (bốn tỉ sáu trăm sáu mươi hai triệu ba trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng).

Giao quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 47, tờ bản đồ số 28, diện tích 50,32m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng số AC

490856 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: H00366.QSDĐ do UBND quận N cấp ngày 22/7/2005, chính lý sang tên ông H và bà L ngày 01/3/2018, phần đất tọa lạc tại số A đường Q, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ cho ông Huỳnh Hữu H tiếp tục sử dụng.

Buộc ông Huỳnh Hữu H có trách nhiệm hoàn trả cho bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L số tiền 4.662.317.500 đồng (bốn tỉ sáu trăm sáu mươi hai triệu ba trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng).

Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ hoàn lại 50% giá trị cho bà Nguyễn Thị Ngọc L, ông Huỳnh Hữu H được quyền liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để đăng ký chính lý biến động, sang tên về quyền sử dụng trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu công nhận tài sản riêng của ông Huỳnh Hữu H đối với quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số: 57, tờ bản đồ số: 28, số 5401132332 do UBND tỉnh C (cũ) cấp ngày 22/12/2003 chính lý sang tên ông Huỳnh Hữu H ngày 10/5/2004, địa chỉ thửa đất số 109, đường Q, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

3. Đình chỉ yêu cầu của ông H về việc buộc bà Nguyễn Thị Ngọc L liên đới trả nợ với ông H đối với số nợ 3.200.000.000 đồng của Công ty TNHH H3 vay của Ngân hàng TMCP Á.

4. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Huỳnh Hữu H về việc buộc bà Nguyễn Thị Ngọc L trả lại số tiền 500.000.000 đồng nợ chung mà ông H đã trả cho Ngân hàng TMCP Á.

5. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Trương Thị Đặng .1 Buộc nguyên đơn ông Huỳnh Hữu H có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị Đặng tổng S tiền là 2.300.000.000 đồng (hai tỉ ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Phạm Thị M.

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Huỳnh Hữu H có trách nhiệm liên đới

trả cho bà Phạm Thị M số tiền 2.709.888.000 đồng (hai tỉ bảy trăm linh chín triệu tám trăm tám mươi tám nghìn đồng), (trong đó nợ gốc là 1.700.000.000 đồng, nợ lãi 1.009.888.000 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

7. Đối với yêu cầu khởi kiện được quyền ưu tiên thanh toán nợ của bà Nguyễn Hồ T không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

8. *Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:* Ông Huỳnh Hữu H phải chịu 10.000.000đồng (mười triệu đồng) chi phí thẩm định tại chỗ và 12.500.000đồng (mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) chi phí định giá tài sản. Bà L phải chịu 12.500.000đồng (mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) chi phí định giá tài sản, do ông H đã tạm nộp nên bà L có nghĩa vụ trả lại 12.500.000đồng (mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) cho ông H.

9. Về án phí:

9.1. Về án phí sơ thẩm:

- Buộc ông Huỳnh Hữu H phải chịu 300.000đồng (ba trăm triệu đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm; 112.662.318đồng (một trăm mười hai triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn ba trăm mười tám đồng) án phí chia tài sản chung và 78.000.000đồng (bảy mươi tám triệu đồng) án phí dân sự đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Đ1 được chấp nhận; phải chịu 24.000.000đồng (hai mươi bốn triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc L phải trả cho ông 500.000.000đồng không được Tòa án chấp nhận. Ông Huỳnh Hữu H được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 57.469.000đồng (năm mươi bảy triệu bốn trăm sáu mươi chín nghìn đồng) ông H đã nộp theo biên lai thu số 0000340 ngày 24/10/2023 và 30.000.000đồng (ba mươi triệu đồng) ông H đã nộp theo biên lai thu số 0006238 ngày 12/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự, quận N, thành phố Cần Thơ, nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1-Cần Thơ. Ông H phải nộp thêm 127.493.318 đồng (một trăm hai mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn ba trăm mười tám đồng).

- Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu 112.662.318đồng (một trăm mười hai triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn ba trăm mười tám đồng) án phí chia tài sản chung.

- Buộc ông Huỳnh Hữu H, bà Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu 86.197.760 đồng (tám mươi sáu triệu một trăm chín mươi bảy nghìn bảy trăm sáu mươi đồng) án phí dân sự đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị M được chấp nhận. Như vậy, nguyên đơn ông Huỳnh Hữu H và bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L, mỗi người có nghĩa vụ phải chịu án phí số tiền 43.098.880 đồng (bốn mươi ba triệu không trăm chín mươi tám nghìn tám trăm tám mươi đồng).

Về án phí phúc thẩm: Buộc nguyên đơn ông Huỳnh Hữu H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) ông Huỳnh Hữu H đã nộp theo Biên lai thu số 0000629 ngày 17 tháng 7 năm 2025 tại Thi hành án thành phố Cần Thơ thành án phí phải chịu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- TAND Khu vực 1 – Cần Thơ;
- THADS Khu vực 1 – Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Phụng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tôn Thị Thanh Thúy

Nguyễn Hữu Bằng

Võ Thị Phụng

